

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 16
5. Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	17 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015124 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 31/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy phép sau:

- Quyết định số 179/UBCK-GP ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 75.736.670.000 VND.
- Quyết định số 199/UBCK-GP ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc Công ty rút bớt nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và tự doanh chứng khoán.
- Quyết định số 44/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc Công ty rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
- Quyết định số 17/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty.
- Quyết định số 78/QĐ-VSD ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận thành viên lưu ký.
- Quyết định số 40/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty;
- Quyết định số 24/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc thay đổi trụ sở chính của Công ty;
- Quyết định số 31/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 75.736.670.000 VND lên 151.473.340.000 VND.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 1900 633 059
- Fax : 0243 5 771 741

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Minh Kết	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2020
Bà Tạ Thị Tú Trinh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2020
Ông Trương Quốc Hùng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2020
Ông Phạm Hữu Gia	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2020
Ông Nguyễn Văn An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2020
Bà Lại Thu Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đinh Thị Vân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2020
Bà Đoàn Thị An	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2020
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2020
Bà Đinh Thị Nhài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Như Tinh	Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Văn An	Giám đốc vận hành	Ngày 08 tháng 01 năm 2020

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Như Tinh - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo quy định của Thông tư 87/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính.

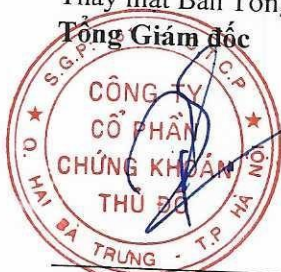
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu của Thông tư số 87/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính khi lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được lập phù hợp với các quy định của Thông tư số 87/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Như Tinh

Ngày 18 tháng 01 năm 2021

Số: 2.0026/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô, được lập ngày 18 tháng 01 năm 2021, từ trang 06 đến trang 26 đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với Thông tư số 87/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

T
A
I
H
Đ
C
T
A
N
T
Y
C
H
A
T
C
A
N
T

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với Thông tư số 87/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2018-008-1

HÀ NỘI
HÀ NỘI
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Số: 05/2021/BC-CASC
V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 87/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Đinh Thị Vân

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Như Tình

19/01/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A - VỐN CHỦ SỞ HỮU				
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	151.473.340.000		
2.	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)			
3.	Cổ phiếu quỹ	-		
	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	-		
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
5.	hợp lý	-		
6.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
7.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-		
8.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
9.	Lợi nhuận chưa phân phối			
10.	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	(39.226.232.612)		
11.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
12.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
13.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-		
14.	các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính	-		
15.	Vốn khác (nếu có)	-		
16.	TỔNG	112.247.107.388		
1A. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		112.247.107.388		



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. Bảng tính vốn khả dụng (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng	
		Vốn khả dụng	Khoản tăng thêm
B - TÀI SẢN NGẮN HẠN			
I. Tài sản tài chính			
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền		-
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		-
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường dụng</i>		-
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường dụng</i>		-
4.	Các khoản cho vay		-
5.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)		-
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường</i>		-
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng</i>		-
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp		-
7.	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)		-
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-
8.	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết		-
9.	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-
10.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		-
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-
11.	Phải thu nội bộ		-
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-
12.	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán		-
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-
13.	Các khoản phải thu khác		-
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-
	<i>Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		-
14.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. Bảng tính vốn khả dụng (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng	
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ
II. Tài sản ngắn hạn khác			
1.	Tạm ứng		
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>		-
	<i>Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày</i>		-
2.	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		-
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn		-
	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	78.586.434	
4.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	6.650.000	
		35.780.403	
6.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-
7.	Tài sản ngắn hạn khác		-
	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	330.098.826	
8.			-
1B. TỔNG			451.115.663
C - TÀI SẢN DÀI HẠN			
I. Tài sản tài chính dài hạn			
1.	Các khoản phải thu dài hạn		
2.	Các khoản đầu tư		
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường</i>		-
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng</i>		-
2.2	Đầu tư vào công ty con		-
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-
2.4	Đầu tư dài hạn khác		-
II. Tài sản cố định			4.915.480.875
III. Bất động sản đầu tư			
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
V. Tài sản dài hạn khác			
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	134.068.200	
2.	Chi phí trả trước dài hạn	1.157.769.981	
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-
4.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		-
5.	Tài sản dài hạn khác		-
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-
1C. TỔNG			6.207.319.056

11/21 T M C U 1 101

11/21 T M C U 1 101

11/21 T M C U 1 101

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. Bảng tính vốn khả dụng (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
D - CÁC KHOẢN KÝ QUỸ, ĐẢM BẢO				
1	Giá trị ký quỹ			
	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.1				
	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			-
1.2				
	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			-
1.3				
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày			-
1D. TỔNG				-
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C - 1D				-
				105.588.672.669

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Đinh Thị Vân

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Như Tinh

1
V
P
3
U
N
C
N
C
N
H
A
S
N
H
D
A

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

A - RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro (3) = (1) * (2)
	(%) (1)		
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		108.036.002.003	-
1. Tiền mặt (VND)			-
2. Các khoản tương đương tiền	0	2.036.002.003	-
3. Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	106.000.000.000	-
			-
II. Trái phiếu Chính phủ			
4. Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5. Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			
5.1 Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			
6. Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu	10	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu	15	-	-
Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
7. Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-

5-00
 ANH
 TY
 HỮU
 Á TU
 C
 NỘ
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

II. Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3) = (1) * (2)
IV. Cổ phiếu			
8. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	-	-
9. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	-	-
10. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	-	-
11. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	50	-	-
12. Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	-	-
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			
13. Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-
14. Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán	30	-	-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			
15. Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	-	-
16. Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50	-	-
VII. Chứng khoán phái sinh			
17. Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8	-	-
18. Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-
VIII. Chứng khoán khác			
19. Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
20. Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25	-	-
21. Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
22. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
23. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10	-	-
24. Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành	-	-	-
25. Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)	-	-	-
26. Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

II. Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)

VIII Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)			
	<u>Mức tăng thêm</u>	<u>Quy mô rủi ro</u>	<u>Giá trị rủi ro</u>
Mã chứng khoán			
1.	0%	-	-
2.	0%	-	-
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG			<u><u>-</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

II. Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)

C - GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

I. Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 12 năm 2020	58.851.762.081
II. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (*)	80.440.025
III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	58.771.322.056
IV. 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	14.692.830.514
V. 20% Vốn pháp định của công ty chứng khoán	2.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	<u>14.692.830.514</u>
(*) Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	
(Đơn vị tính: đồng)	
<u>Giá trị</u>	
1. Chi phí khấu hao	80.440.025
2. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế	-
3. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
4. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-
5. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
6. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-
	<u>80.440.025</u>

Người lập biểu

Đinh Thị Vân

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Như Tĩnh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

II. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	CHỈ TIÊU	Vốn khả dụng / Tổng giá trị rủi ro	Ghi chú
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	8.268.000.000	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	14.692.830.514	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4 = 1 + 2 + 3)	<u>22.960.830.514</u>	
5.	Vốn khả dụng	105.588.672.669	
6.	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6 = 5/4)	460%	

Người lập biểu

Đinh Thị Vân

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Như Tinh

15-002-C
HÀNH
G TY
M HỮU HA
VÀ TỬ V
& C
HÀ NỘI
- TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tổng số công nhân viên** : 22 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Văn bản pháp lý áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được lập và trình bày theo quy định tại Thông tư số 87/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (“Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng”) này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

Các cách thức diễn giải được áp dụng trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư số 87/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 và các văn bản khác.

Trong quá trình lập và trình bày báo cáo này, do Thông tư số 87/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 chưa có hướng dẫn cụ thể nên Công ty đã áp dụng các diễn giải dưới đây cho một số khoản mục dựa trên hiểu biết và đánh giá của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Cách thức diễn giải của Công ty
1	Chỉ tiêu “ <i>Các khoản phải thu</i> ” (Chỉ tiêu g, Khoản 1, Điều 10 - Giá trị rủi ro thanh toán, Thông tư 87/2017/TT-BTC)	Chỉ tiêu “ <i>Các khoản phải thu</i> ” bao gồm cả các khoản phải thu khác và các tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán và tiến hành xác định giá trị rủi ro thanh toán của các khoản mục này theo công thức quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC.
2	Chỉ tiêu “ <i>Tiền mặt VND</i> ” (Khoản 2 Điều 9 – Giá trị rủi ro thị trường)	Chỉ tiêu “ <i>Tiền mặt VND</i> ” bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Khoản mục	Cách thức diễn giải của Công ty
4	Chỉ tiêu "Rủi ro tăng thêm" (Khoản 5, Điều 9 - Giá trị rủi ro thị trường) (Khoản 8, Điều 10 - Giá trị rủi ro thanh toán)	Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng thêm được tính bằng Giá trị rủi ro x hệ số rủi ro tăng thêm.

Đồng tiền trên báo cáo: Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ văn bản pháp lý

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Thông tư số 87/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = (\text{Vốn khả dụng} / \text{Tổng giá trị rủi ro}) \times 100\%$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

2. Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu sẵn sàng để đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- Vốn góp của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – cấu phần vốn;
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- Lợi nhuận chưa phân phối.
- Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Các khoản nợ có thể chuyển đổi;
- Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính;
- Vốn khác (nếu có);

Vốn khả dụng được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

- Giá trị của các khoản nợ có thời hạn ban đầu là năm (05) năm của Công ty có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- Các khoản nợ có thời hạn ban đầu trên mười (10) năm đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Tổng giá trị các khoản trên được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu trong thời gian 5 năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ tiếp mỗi quý 25% từ phần giá trị còn lại sau khi đã khấu trừ trong thời hạn 04 quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Vốn khả dụng được điều chỉnh giảm bởi các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư (trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc so với giá thị trường xác định theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC), không bao gồm chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên (90) ngày, kể từ ngày lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.
- Năm mươi phần trăm (50%) toàn bộ phần giá trị giảm đi của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật.
- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ.
- Các tài sản ngắn hạn và dài hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày
- Các khoản ngoại trừ (nếu có) trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán mà chưa được trừ ra khỏi vốn khả dụng.

Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán được điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- Đối với tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của chính tổ chức kinh doanh chứng khoán, thì khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó (xác định theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC), giá trị sổ sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;
- Đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị tài sản bảo đảm xác định theo quy định Thông tư số 87/2017/TT-BTC, giá trị sổ sách.

3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi.

Các tài sản không tính Giá trị rủi ro thị trường, bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ.
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày, kể từ ngày lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; Chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được sử dụng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở

Công thức xác định:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, các yếu tố được xác định theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC, như sau:

Vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm số chứng khoán cho vay, số chứng khoán được phòng ngừa bởi chứng quyền bán, hợp đồng tương lai và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Giá tài sản

a) *Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ*

Giá trị của tiền bằng VNĐ là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b) *Trái phiếu*

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá niêm yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có) cộng lãi lũy kế; Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

c) Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết và giá trị của cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên UpCom là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

Giá trị của cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn UpCom nhưng không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, hoặc cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch: Là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

d) Cổ phần, phần vốn góp khác

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo quy định nội bộ của Công ty.

e) Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán

Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mở/cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

f) Chứng khoán khác

Giá trị chứng quyền có đảm bảo do tổ chức kinh doanh chứng khoán khác phát hành là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá mua nếu chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết.

Giá trị cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán và giá này phải được chuyển đổi sang đồng tại ngày tính toán. Trường hợp cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

49
H
C
N
T
A
71

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC.

Điều chỉnh tăng giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác định sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Công ty phải điều chỉnh tăng thêm các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi nếu phát sinh (đối với chứng khoán), hoặc lãi cho vay (đối với tiền gửi và các khoản tương đương tiền công cụ chuyên nhượng, giấy tờ có giá) vào giá tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

4. **Giá trị rủi ro thanh toán**

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết.

Khi kết thúc ngày giao dịch, Công ty xác định giá trị rủi ro thanh toán đối với các hợp đồng, giao dịch sau:

- Đối với Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật, các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng: Giá trị rủi ro thanh toán được xác định như sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro

- Đối với Hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là tổ chức bảo lãnh phát hành chính: Giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
- Đối với các khoản phải thu đã quá hạn, kể cả trái phiếu đáo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán, các khoản phải thu của Công ty, các khoản phải thu cho khách hàng trong hoạt động môi giới bán chứng khoán; Tài sản quá thời hạn chuyển giao, kể



31
NI
HI
HI
N
T
A

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

cả chứng khoán trong hoạt động kinh doanh của Công ty, chứng khoán của khách hàng trong hoạt động môi giới chứng khoán; Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn; Giá trị rủi ro thanh toán được xác định như sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro

Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian quá hạn thanh toán theo nguyên tắc quy định tại Thông tư 87/2017/TT-BTC.

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác xác định tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của đối tác giao dịch.

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n theo thỏa thuận của hai bên).

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi nếu phát sinh (đối với chứng khoán), hoặc lãi cho vay, và các khoản phụ phí khác (đối với các khoản tín dụng).

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được xác định như sau:

Đối với các giao dịch mua, bán chứng khoán, cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty: Là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc sau:

➤ Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại, giao dịch cho vay mua chứng khoán ký quỹ, giao dịch bán có cam kết mua lại, giao dịch mua có cam kết bán lại, vay, cho vay chứng khoán:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
2.	Cho vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)}), 0\}$
3.	Vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị tài sản đảm bảo} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của Hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max}\{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo}), 0\}$

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo giá trị thị trường. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

➤ Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A - Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B - Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

Đối với các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thoả thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản X Giá tài sản X (1 - Hệ số rủi ro thị trường)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Khi xác định giá trị rủi ro thanh toán, Công ty được bù trừ ròng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư 87/2017/TT-BTC;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% vốn chủ sở hữu;
 - Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% vốn chủ sở hữu;
 - Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% vốn chủ sở hữu trở lên.
- Trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán, toàn bộ khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng phải được giảm trừ đi từ vốn khả dụng.

5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khác quan khác.

Rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác;

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Vân

Phan Thị Hoài Thu

Nguyễn Như Tình

